

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Mã chứng khoán: TTN

Trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, KCN VSIP II, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Tuấn Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin: 24h

Điện thoại: (0274).2220339

Nội dung thông tin công bố: Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (VNTT).

Ngày 11/08/2022, Hội đồng quản trị VNTT thông qua Quy chế Công bố thông tin thay thế cho Quy chế công bố thông tin đã được HĐQT ban hành theo quyết định số 11/2018/QĐ-HĐQT ngày 13/06/2018 (đính kèm Quy chế).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 11/08/2022 tại địa chỉ: <https://vntt.com.vn/Home/CongBoThongTin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Bình Dương, ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người thực hiện công bố thông tin

Tổng Giám đốc



Phạm Tuấn Anh



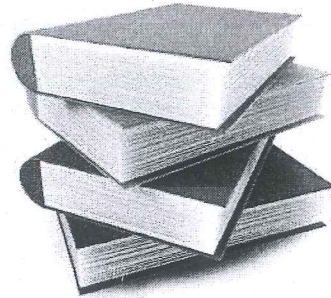


Thành viên Becamex IDC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
21 VSIP2, ĐƯỜNG SỐ 1, KCN VSIP2, P. HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG
Điện thoại: 0274 2220222 – Hotline: 1800 9400

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM



Bình Dương, tháng 08 năm 2022



TOTRINHVOIDONGQUANTRI22080004



MỤC LỤC

CHƯƠNG I . NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Căn cứ pháp lý.....	1
Điều 3. Chữ viết tắt.....	2
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty.....	3
Điều 6. Nguyên tắc công bố thông tin.....	4
Điều 7. Phương tiện bố thông tin.....	5
Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin.....	5
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM.....	5
Điều 9. Lưu đồ thực hiện.....	5
Điều 10. Các nội dung công bố thông tin.....	6
CHƯƠNG III . TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	7
Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan	7
Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	7
Điều 13. Tổ chức thực hiện.....	7
Điều 14. Hiệu lực thi hành.....	7
PHỤ LỤC I. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	9
PHỤ LỤC II. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	16



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐQT, ngày..... tháng 08 năm 2022 của
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty”). Đồng thời quy định việc phối hợp giữa các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
2. Đối tượng áp dụng thực hiện công bố thông tin theo Quy chế này bao gồm:
 - a. Người công bố thông tin.
 - b. Các phòng liên quan gồm: Phòng Quản lý Tài chính, Phòng Hành chính Nhân sự, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty.
 - c. Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban/bộ phận kiểm toán nội bộ; Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin (sau đây gọi chung là “Người nội bộ”) và người có liên quan của Người nội bộ.
 - d. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
 - e. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
 - f. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

Điều 2. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 96/2020TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



- Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021.
- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ngày 21 tháng 12 năm 2021.
- Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác và các quy định có liên quan của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 3. Chữ viết tắt

Công ty	: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
IDS	: Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
SGDCK/HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
CIMS	: Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
VSD	: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
TTCKVN	: Thị trường Chứng khoán Việt Nam
CBTT	: Công bố thông tin
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BCTC	: Báo cáo tài chính
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Công ty* là Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.
- *Người nội bộ của Công ty* là:
 - Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm;
 - Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban/bộ phận kiểm toán nội bộ;
 - Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
- *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 7 Quy chế này.



- Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
- Người công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
- Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây (Khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán 2019):
 - Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty

Người công bố thông tin là Tổng giám đốc Công ty – Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc một cá nhân được Tổng giám đốc Công ty ủy quyền công bố thông tin.

1. Tổng giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho ít nhất một (01) cán bộ (người được ủy quyền) thực hiện công bố thông tin của Công ty.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.
3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGĐCK trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung



thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC; Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 6. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật, việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Đối tượng công bố thông tin tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.
4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 7 Thông tư này.
5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:
 - a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
 - b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.



Điều 7. Phương tiện bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - CIMS
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp.	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; Báo in, Báo điện tử...

Lưu ý:

Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên chuyên mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

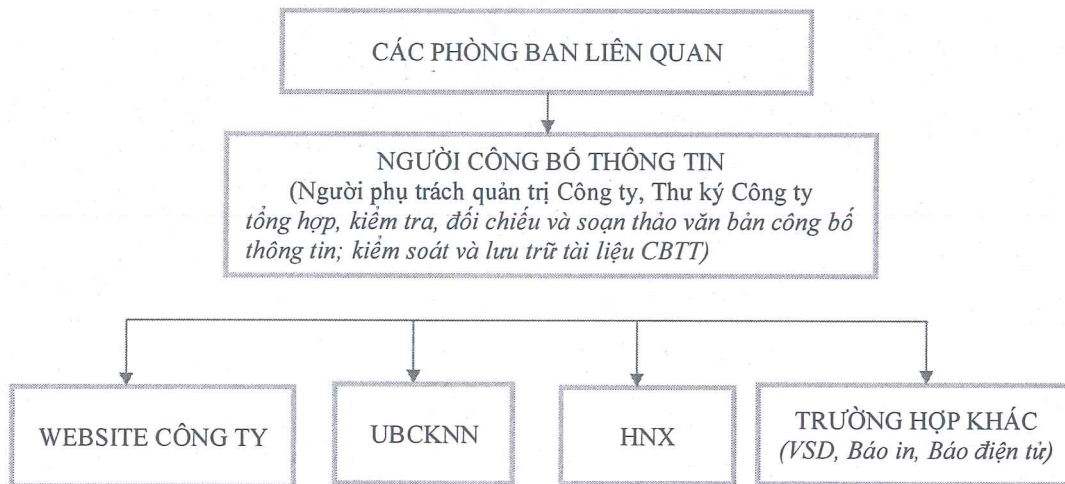
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Điều 9. Lưu đồ thực hiện

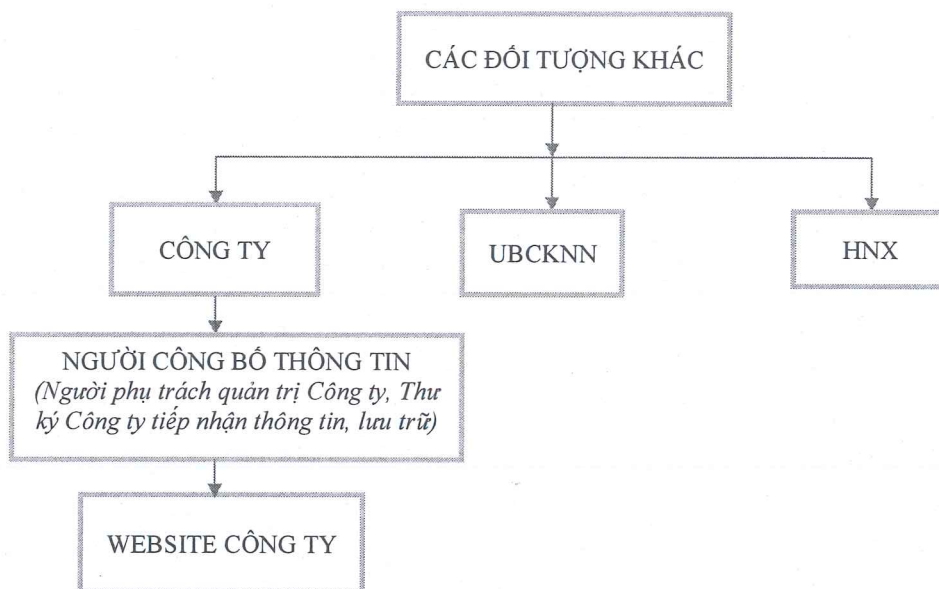
1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này.



86
NG
PH
ÂN
ÉN
TN
QT



2. Áp dụng với các đối tượng khác (*)



(*) Đối tượng khác là đối tượng quy định tại điểm c, d, e, f Khoản 2, Điều 1 Quy chế này.

Điều 10. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế này:
 - a. Phòng Quản lý Tài chính : Phụ lục I
 - b. Phòng Hành chính Nhân sự : Phụ lục I
 - c. Người phụ trách quản trị Công ty : Phụ lục I
 - d. Thư ký Công ty : Phụ lục I
2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục II Quy chế này.



49/
 TY
 AN
 HỘ
 M
 BỊN

CHƯƠNG III
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.
4. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo cho HĐQT kết quả thực hiện.

Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.
2. Quy chế công bố thông tin được phổ biến đến các Phòng ban.
3. Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đồng thời bồi thường theo quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế công bố thông tin gồm 14 Điều, 03 Chương được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam thống nhất thông qua ngày 11 tháng 08 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phù hợp với nhu cầu thực tế liên quan công tác CBTT và/hoặc cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi hoặc bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nếu có sự



mâu thuẫn giữa các quy định trong Quy chế này và các quy định của pháp luật (được sửa đổi theo từng thời kỳ), các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

3. Ban Tổng giám đốc, các phòng ban thuộc Công ty và các cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
4. Bất cứ vấn đề nào liên quan công tác CBTT của Công ty không được quy định trong quy chế này sẽ được quy định bởi pháp luật liên quan của Việt Nam về nghĩa vụ CBTT, Quy chế CBTT của SGDCK và các văn bản pháp luật có liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

GIANG QUỐC DŨNG



STOC
CƠ
CỔ
ÔNG
RUY
VIỆ
M

PHỤ LỤC I
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY
(Đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công ty)

STT	Nội dung công bố thông tin	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
I CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
1	Báo cáo tài chính (“BTCT”) năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính trong trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng. 	
3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC quý. - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC quý được soát xét (nếu có). - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý trong trường hợp công ty là công ty mẹ của tổ chức khác 	Trường hợp công ty đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.



867.
 NG T
 PHẢ
 NG
 N TH
 (NAI
 T-T.S

			hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.	
<p>Lưu ý: Khi CBTT các BCTC nêu tại mục 1, 2, 3 nêu trên, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. 				
4	Báo cáo thường niên	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
5	Hợp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên			
5.1	CBTT về hợp Hợp ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu hợp	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên	
5.2	CBTT biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết.	
6	Báo cáo tình hình quản trị	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	
7	Bản Cung cấp thông tin về quản trị công ty	SGDCK	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo sáu (06) tháng đầu năm: chậm nhất là ngày 30/07; - Báo cáo năm: chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo. 	
II	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG (lưu ý phải ghi rõ thông tin sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có))			
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	



97
Y
V
I
E
N
NH

2	Khi nhân được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	



	điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;			
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	



	cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96;			
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
15	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	



1001 01 NG JYI / M

20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
22	Hợp ĐHĐCĐ bất thường			
22.1	CBTT về việc hợp ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu hợp	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	
22.2	CBTT biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết.	
23	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	UBCKNN/SGDCK Website Công ty		
23.1	CBTT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và tài liệu lấy ý kiến.	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	
23.2	CBTT Biên bản kiểm phiếu + Nghị quyết ĐHĐCĐ	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết	
24	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Trường hợp để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Các trường hợp khác: tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	
25	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty phải công bố thông tin về ý	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Trong thời hạn CBTT BCTC năm/bán niên/quý như quy định tại Mục I.1, I.2, I.3 nêu trên.	



	kiểm kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính			
26	Trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	
III CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU				
1	CBTT theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	
2	CBTT theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	
IV CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	UBCKNN/SGDCK Website Công ty	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	



PHỤ LỤC II
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC
(Đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công ty)

STT	Nội dung công bố thông tin	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
I CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÔNG TY				
1	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của công ty.	- UBCKNN - SGDCK - Công ty	05 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%.	
2	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của công ty.	- UBCKNN - SGDCK - Công ty	05 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%	
3	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% (áp dụng với cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của công ty).	- UBCKNN - SGDCK - Công ty	05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch	
4	Công ty CBTT về các trường hợp tại mục 1, 2 và 3 nêu trên.	Website Công ty	03 ngày làm việc từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1, 2 và 3 nêu trên.	
II CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ				
1	Người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến	- UBCKNN - SGDCK - Công ty	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.	Thông báo theo mẫu kèm theo Thông tư 96



	trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).			
2	Người nội bộ/người có liên quan của Người Nội Bộ phải công bố thông tin hoàn tất giao dịch quy định tại mục 1 nêu trên, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	<ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - SGDCCK - Công ty 	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Báo cáo theo mẫu kèm theo Thông tư 96
3	Công ty CBTT trong các trường hợp tại mục 1, 2 nêu trên.	Website Công ty	03 ngày làm việc từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1, 2 nêu trên.	
III	CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI <i>Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, công ty mục tiêu phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào mua công khai, cụ thể:</i>			
1	Công ty có trách nhiệm CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của Tổ chức/ cá nhân trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Website Công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	
2	HĐQT Công ty phải CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của Tổ chức/cá nhân; đồng thời báo cáo UBCKNN. Đánh giá, khuyến nghị của	Website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	

36149;
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CÔNG NGHỆ
 THÔNG TIN
 VIỆT NAM
 SỐ 17-18
 QUẬN TÂY HỒ
 TP. HÀ NỘI



<p>HĐQT Công ty đối với việc chào mua công khai cổ phiếu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HĐQT có ý kiến khác, HĐQT phải công bố kèm theo các ý kiến này.</p>			
---	--	--	--

